

Số: /QĐ-UBND

Triệu Sơn, ngày tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật

Công trình: Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới xã Dân Lý, huyện Triệu Sơn

Hạng mục: Cấp điện và cây xanh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/06/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính phủ về quản lý dự chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 434/QĐ-UBND ngày 26/01/2018 của Chủ tịch UBND huyện về việc phê duyệt mặt bằng quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư mới xã Dân Lý, huyện Triệu Sơn; Quyết định số 5342/QĐ-UBND ngày 09/7/2019 của Chủ tịch UBND huyện về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ mặt bằng quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư mới xã Dân Lý, huyện Triệu Sơn;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo kết quả thẩm định số 05/TĐ-KTHT ngày 08/01/2021 và UBND xã Dân Lý tại Tờ trình số 99/TTr-BVTS ngày 23/12/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới xã Dân Lý, huyện Triệu Sơn, hạng mục cấp điện và cây xanh với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên công trình: Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới xã Dân Lý, huyện Triệu Sơn.

2. Hạng mục: Cấp điện và cây xanh.

3. Loại, cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp IV.

4. Địa điểm xây dựng: Xã Dân Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

5. Chủ đầu tư: UBND xã Dân Lý.

6. Giải pháp thiết kế:

6.1. Phần cấp điện:

a) Phần đường dây trung áp

- Xây dựng mới đường dây 22kV cấp điện cho khu dân cư thuộc mặt bằng quy hoạch theo Quyết định số 5342/QĐ-UBND ngày 09/7/2019 xã Dân Lý chiều dài tuyến 133m. Điểm đầu Cột 05 lộ 971 TG Giắt, nhánh rẽ Dân Lý 7, điểm cuối TBA Quy hoạch.

- Cột đầu nối: Cột tận dụng, xà rẽ sử dụng loại XRN22-1T, 06 bộ sứ đứng (06SD-24).

- Cột số 01 (Cột đôi làm mới): Cột 2LT12-7.2kN; móng MTK-1-12; xà néo sứ chuỗi sử dụng loại XNSC22-2LT/D, 06 bộ chuỗi néo và 01 sứ đứng (06CN-24+01SD-24); chiều dài từ cột đầu nối đến cột 01 là 30m.

- Cột số 02 (Cột đôi làm mới): Cột 2LT12-7.2kN; móng MTK-1-12; xà néo sứ chuỗi sử dụng loại XNSC22-2LT/D, 06 bộ chuỗi néo và 01 sứ đứng (06CN-24+01SD-24); chiều dài từ cột số 01 đến cột 02 là 73m, từ cột số 02 đến TBA làm mới là 30m.

- Dây dẫn: sử dụng dây ACSR-70/11.

- Tiếp địa: sử dụng loại RC4-1,0.

b) Phần trạm biến áp xây dựng mới

Xây dựng 01 trạm biến áp kiểu trạm treo trên 2 cột bê tông ly tâm loại 2LT-12-7.2kN, dung lượng trạm S=250kVA-22/0,4kV.

* Sơ đồ nối dây:

- Phía trung thế:

+ Bảo vệ quá dòng máy biến áp bằng cầu chì 22kV.

+ Bảo vệ chống sét bằng chống sét van 22kV.

- Phía hạ thế:

+ Tủ điện chế tạo trọn bộ theo tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành.

+ Bảo vệ quá dòng bằng áp tô mát cho lộ tổng và cho lộ ra.

+ MBA được lắp 1 tủ điện hạ thế 0,4kV trọn bộ.

+ Bảo vệ quá điện áp khí quyển bằng GZ 0,5 kV.

+ Cấp tổng từ cực 0,4 MBA đến thanh cái tủ điện được chọn theo điều kiện $I_{cp}(\text{cấp}) \geq I_{dm}(\text{MBA})$.

c) Phần đường dây hạ thế

Đường dây 0,4kV sau TBA được xây dựng nối trên cột bê tông ly tâm đi trên vỉa hè khu quy hoạch, cụ thể:

* Lộ 1: Từ TBA đến cột 1.8 sử dụng cáp bọc ABC-4x120mm² treo trên cột bê tông ly tâm 8,5m với chiều dài 214m.

- Cột số 1.2.1: Cột đôi 2LT8.5PC4.3; Móng MT-2c; cổ dè giữ cáp loại CDVX-2T.

- Cột số 1.2.2: Cột đôi 2LT8.5PC4.3; Móng MT-2c; cổ dề giữ cáp loại CDVX-2T.
- Cột số 1.3: Cột đơn LT8.5PC4.3; Móng MT-2; cổ dề giữ cáp loại CDVX-1T.
- Cột số 1.4: Cột đơn LT8.5PC4.3; Móng MT-2; cổ dề giữ cáp loại CDVX-1T.
- Cột số 1.5: Cột đơn LT8.5PC4.3; Móng MT-2; cổ dề giữ cáp loại CDVX-1T.
- Cột số 1.6: Cột đơn LT8.5PC4.3; Móng MT-2; cổ dề giữ cáp loại CDVX-1T.
- Cột số 1.7: Cột đơn LT8.5PC4.3; Móng MT-2; cổ dề giữ cáp loại CDVX-1T.
- Cột số 1.8: Cột đôi 2LT8.5PC4.3; Móng MT-2c; cổ dề giữ cáp loại CDVX-2T.
- Nhánh rẽ từ cột 1.3 đến cột 1.3.3 sử dụng cáp bọc ABC-4x120mm² treo trên cột bê tông ly tâm với chiều dài 71m.
- Cột số 1.3.1: Cột đôi 2LT8.5PC4.3; Móng MT-2c; cổ dề giữ cáp loại CDVX-2T.
- Cột số 1.3.2: Cột đơn LT8.5PC4.3; Móng MT-2; cổ dề giữ cáp loại CDVX-1T.
- Cột số 1.3.3: Cột đôi 2LT8.5PC4.3; Móng MT-2c; cổ dề giữ cáp loại CDVX-2T.
- Tiếp địa: sử dụng tiếp địa lặp lại RC-1LT
- * Lộ 2: Từ TBA đến cột 2.7 sử dụng cáp bọc ABC-4x120mm² treo trên cột bê tông ly tâm LT-8.5m với chiều dài 183m.
- Cột số 2.3: Cột đơn LT8.5PC4.3; Móng MT-2; cổ dề giữ cáp loại CDVX-1T.
- Cột số 2.4: tận dụng cột cũ, chiều dài tuyến từ 2.3 đến cột số 2.4 là 26m.
- Cột số 2.5: Cột đơn LT8.5PC4.3; Móng MT-2; cổ dề giữ cáp loại CDVX-1T.
- Cột số 2.6 và 2.7: tận dụng toàn bộ cột cũ.
- Tiếp địa: sử dụng tiếp địa lặp lại RC-1LT
- * Từ cột 2.4 đến cột 2.6 có 2 lộ TBA Dân Lý 2: căng lại 2 lộ cáp bọc ABC-4x120mm² với chiều dài 66m.
- Cột số 2.4: tận dụng toàn bộ cột cũ.
- Cột số 2.5: tận dụng toàn bộ cột cũ, chỉ căng lại dây dẫn.
- Cột số 2.6: tận dụng toàn bộ cột cũ, chỉ căng lại dây dẫn.
- Móng: Móng bê tông đổ tại chỗ:
- + Các vị trí cột đơn dùng móng MT-2.
- + Các vị trí cột đôi dùng móng MT-2C.
- Phụ kiện:
- + Ghép nhôm 3 bu lông (25-150) cho các vị trí cột néo và nối lưới.

+ Tất cả các vị trí xây dựng mới đều dùng kẹp hãm phù hợp với chủng loại dây.

+ Xà, cổ đèn ... đều được mạ kẽm nhúng nóng theo quy định.

- Tiếp địa: Được thiết kế kiểu cọc tia hỗn hợp RC-1.

d) Phần điện chiếu sáng

- Xây dựng hệ thống chiếu sáng đi trên cột hạ thế, những vị trí trồng thêm sử dụng cột bê tông ly tâm 8,5m, đèn cao áp có công suất 120W, số lượng bóng đèn là 11 bóng.

- Từ tủ chiếu sáng đến cột 1.8 sử dụng cáp bọc ABC-4x50mm² đi chung với đường dây hạ áp đã thiết kế cấp điện sinh hoạt với chiều dài 214m.

- Từ tủ chiếu sáng đến cột 2.4 sử dụng cáp bọc ABC-4x50mm² đi chung với đường dây hạ áp đã thiết kế cấp điện sinh hoạt với chiều dài 78m.

- Cấp nguồn từ nguồn hạ thế 0,4kV đến các tủ điều khiển chiếu sáng: Sử dụng cáp vặn xoắn ABC-4x50mm².

- Cấp nguồn từ tủ điều khiển chiếu sáng đến các đèn chiếu sáng sử dụng cáp vặn xoắn ABC-4x50mm².

- Dây lên đèn các loại đèn sử dụng dây Cu/PVC 2x2,5mm².

- Phụ kiện:

+ Ghép nhôm 3 bu lông (25-150) cho các vị trí cột neo và nối lưới.

+ Tất cả các vị trí xây dựng mới đều dùng kẹp hãm phù hợp với chủng loại dây.

+ Xà, cổ đèn ... đều được mạ kẽm nhúng nóng theo quy định.

- Tiếp địa: Được thiết kế kiểu cọc tia RC-1.

6.2. Phần cây xanh:

Trồng cây Hoa ban tím trên vỉa hè phạm vi mặt bằng quy hoạch, số lượng 55 cây, duy trì chăm sóc cây 03 tháng.

7. Giá trị dự toán và nguồn vốn:

7.1. Giá trị dự toán: 1.727.727.000 đ.

(Một tỷ, bảy trăm hai mươi bảy triệu, bảy trăm hai mươi bảy nghìn đồng)

Trong đó:

- Chi phí xây lắp	993.478.000 đ
- Chi phí thiết bị	417.622.000 đ
- Chi phí QLDA	35.444.000 đ
- Chi phí TVĐTXD	155.766.000 đ
- Chi phí khác	43.144.000 đ
- Chi phí dự phòng	82.273.000 đ

(có biểu chi tiết kèm theo)

7.2. Nguồn vốn: Từ nguồn cấp quyền sử dụng đất của mặt bằng quy hoạch.

8. Hình thức quản lý dự án: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện.

9. Thời gian thực hiện: Trong năm 2021.

Điều 2. Giao UBND xã Dân Lý (Chủ đầu tư) chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện dự án theo đúng Luật Xây dựng và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc kho bạc nhà nước Triệu Sơn; Chủ tịch UBND xã Dân Lý và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như điều 3 QĐ;
- Lưu: VT, KTHT.

CHỦ TỊCH

Vũ Đức Kính

DỰ TOÁN
CÔNG TRÌNH: HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU DÂN CƯ MỚI XÃ DÂN
LÝ, HUYỆN TRIỆU SƠN
HẠNG MỤC: CẤP ĐIỆN VÀ CÂY XANH

Đơn vị tính: đồng

TT	HẠNG MỤC CHI PHÍ	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ VAT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	903.161.745	90.316.175	993.477.920
1	Phần điện	685.018.109	68.501.811	753.519.920
2	Cây xanh	218.143.636	21.814.364	239.958.000
II	CHI PHÍ THIẾT BỊ	379.656.551	37.965.655	417.622.206
1	Mua sắm thiết bị	367.253.824	36.725.382	403.979.206
2	Lắp đặt thiết bị	7.306.364	730.636	8.037.000
3	Thí nghiệm, hiệu chỉnh	5.096.364	509.636	5.606.000
III	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	35.444.270		35.444.270
IV	CHI PHÍ TV ĐTXD	141.605.864	14.160.586	155.766.450
1	Khảo sát	39.150.000	3.915.000	43.065.000
2	Lập báo cáo KT-KT	71.581.261	7.158.126	78.739.387
3	Giám sát thi công xây dựng	23.175.130	2.317.513	25.492.643
4	Giám sát lắp đặt thiết bị	3.048.642	304.864	3.353.506
5	Lập HSMT và đánh giá HSDT gói thầu thi công xây dựng	3.504.268	350.427	3.854.694
6	Lập HSMT và đánh giá HSDT gói thầu lắp đặt thiết bị	1.146.563	114.656	1.261.219
V	CHI PHÍ KHÁC	40.336.266	2.807.370	43.143.636
1	Thẩm định báo cáo KT-KT	328.268		328.268
2	Thẩm định HSMT và KQLCNT gói thầu thi công xây dựng	1.000.000		1.000.000
3	Thẩm định HSMT và KQLCNT gói thầu lắp đặt thiết bị	1.000.000		1.000.000
4	Chi phí kiểm tra của cơ quan QLNN	5.244.754		5.244.754
5	Thẩm tra phê duyệt quyết toán	4.689.545		4.689.545
6	Kiểm toán	15.796.363	1.579.636	17.375.999
7	Chi phí nghiệm thu đóng điện	12.277.335	1.227.734	13.505.069
VI	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	75.010.235	7.262.489	82.272.724
	TỔNG CỘNG (I+II+...+VI)	1.575.214.931	152.512.275	1.727.727.207
	LÀM TRÒN			1.727.727.000

Một tỷ, bảy trăm hai mươi bảy triệu, bảy trăm hai mươi bảy nghìn đồng chẵn.../.